**Bản đặc tả, ma trận, đề kiểm tra giữa học kì I, môn Ngữ văn, lớp 8**

**1. Ma trận đề kiểm tra**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Thơ** | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | **Nghị luận về một vấn đề của đời sống** | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***3*** | ***0*** | ***5*** | ***0*** | ***0*** | ***2*** | ***0*** | ***1*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **15%** | **25%** | **20%** | **40%** |
| **Tỉ lệ chung** | **40%** | **60%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** |  | **Thơ** | **Nhận biết**- Nhận biết được thể thơ, biện pháp nghệ thuật chính của bải thơ.- Nhận biết được từ địa phương trong bài thơ.**Thông hiểu**- Hiểu được cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ.- Hiểu được nội dung và hình thức nghệ thuật.**Vận dụng**- Nhận xét nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua bài thơ.- Nêu được những suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | **Nghị luận về một vấn đề của đời sống** | **Vận dụng cao:** Có sáng tạo.Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Trình bày rõ vấn đề và thể hiện rõ ý kiến (đồng tình hay phản đối) về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. |  |  |  | 1TL |

**Đề kiểm tra giữa kì I môn Ngữ văn 8**

**I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**MÙA XUÂN CHÍN**

Trong làn nắng ửng: khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang.

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi;
- Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi,
Hổn hển như lời của nước mây,
Thầm thĩ với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây...

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,
Lòng trí bâng khuâng sực nhớ làng:
- “Chị ấy, năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?”

Bài thơ này từng được sử dụng trong SGK *Văn học 8* giai đoạn 1990-2002.

Nguồn:
1. Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, 1988
2. Quách Tấn, *Thơ Hàn Mặc Tử*, NXB Đông Phương, 1942
3. *Tinh tuyển văn học Việt Nam* (tập 7: *Văn học giai đoạn 1900-1945*), Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, NXB Khoa học xã hội, 2004
4. Phạm Thanh, *Thi nhân Việt Nam hiện đại* - quyển thượng, NXB Xuân Thu tái bản, 1990

 *(Hàn Mặc Tử)*

**Câu 1**. Bài thơ Mùa xuân chín được viết theo thể thơ nào?

A. Năm chữ B. Lục bát C. Bảy chữD. Tám chữ

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là gì?

**A.** Tự sự **B.** Biểu cảm **C.** Miêu tả **D.** Nghị luận

**Câu 3**. Bài thơ *Mùa xuân chín* gồm có bao nhiêu khổ thơ?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 4**. Trạng thái " chín" của mùa xuân trong bài thơ được thể hiện bằng những từ ngữ nào sau đây:

A. làn nắng ửng, khói mơ tan.  B. lấm tấm vàng, bóng xuân sang.

C. sóng cỏ xanh tươi, mùa xuân chín.  D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 5**. Nội dung sau thuộc khổ thơ nào của bài thơ *Mùa xuân chín*?

*Cảm xúc bâng khuâng của tác giả trước mùa xuân*.

A.Khổ 1 B.Khổ 2 C.Khổ 3 D. Khổ 4

**Câu 6**. Câu Nội dung của bài thơ *Mùa xuân chín* là gì?

A. Bài thơ thể hiện khung cảnh mùa xuân tươi mới, đẹp đẽ, tràn đầy sức sống nơi nông thôn dân dã của làng quê Việt Nam

B. Bên cạnh đó là tâm trạng háo hức, bồn chồn của người con gái sắp lấy chồng và tâm trạng bâng khuâng, nhung nhớ của nhân vật trữ tình khi nhắc thấy cảnh cũ người xưa

C. Thể hiện niềm yêu đời, yêu người, yêu cuộc sống của thi nhân, gửi gắm niềm yêu thương và hy vọng vào một cuộc sống tốt đẹp, mùa xuân mang vị “chín” của lòng người

D. Cả ba đáp án trên

**Câu 7**. Dòng nào sau đây được xem là nội dung đầy đủ của bài thơ *Mùa xuân chín* của Hàn Mặc Tử?

A.Bài thơ là bức tranh thiên nhiên tươi đẹp lúc giao mùa.

B.Bài thơ là bức tranh thiên nhiên và con người tươi đẹp.

C.Bài thơ là bức tranh thiên, con người tươi đẹp và tình cảm yêu mến của nhà thơ.

D.Bài thơ thể hiện tình cảm yêu mến của nhà thơ trước thiên nhiên đất trời.

**Câu 8**. Nghệ thuật của bài thơ *Mùa xuân chín* là gì?

A. Ngôn từ giản dị, mộc mạc, dễ hiểu

B. Hình ảnh thơ gần gũi, thân thuộc

C. Giọng thơ tự nhiên, thủ thỉ, tâm tình

D. Cả ba đáp án trên

**Câu 9**. Lý giải tại sao tác giả lại đặt tên cho bài thơ là “Mùa xuân chín”?

**Câu 10.** Qua bài thơ, em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của con người trong việc bảo vệ thiên nhiên.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bản thân về một vấn đề trong đời sống xã hội mà em quan tâm nhất.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Phần** **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
| **9** | Nhan đề “Mùa xuân chín” có ý nghĩa là: Gợi cảm giác mùa xuân đang đi vào độ căng mọng và tươi đẹp nhất, và vẫn tiếp tục phát triển đẹp hơn nữa.  | 1,0 |
| **10** | HS nêu được quan điểm bản thân theo cách riêng. Có thể hướng tới các ý sau:- Thể hiện quan niệm: thiên nhiên vốn dĩ rất đẹp- Hành động: Cần tôn trọng và có những hành động thiết thực bảo vệ thiên nhiên.  | 1,0 |
|  |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một hiện tượng trong đời sống xã hội* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*. HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 0,25 |
|  | **1. Mở bài:** - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận và nêu ý kiến của bản thân về vấn đề đó. | 0,5 |
|  | **2. Thân bài***a. Giải thích*- Giải thích các từ ngữ, khái niệm quan trọng về vấn đề nghị luận*b. Bàn luận*- Khẳng định ý kiến tán thành hay phản đối của người viết về vấn đề nghị luận.- Đưa ra các lí lẽ, dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề.*c. Mở rộng*- Nhìn nhận vấn đề ở chiều hướng ngược lại, bổ sung ý cho vấn đề nghị luận toàn vẹn | 1,5 |
|  | **3. Kết bài**- Khẳng định lại ý kiến, đề xuất giải pháp, nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động. | 0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Chữ viết sạch đẹp, cẩn thận. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, trình bày khoa học. Diễn đạt mạch lạc, lập luận sắc sảo, trôi chảy. | 0,5 |